

Số: /QĐ-UBND

Ea H'Leo, ngày tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v ban hành và áp dụng Hệ thống tài liệu quản lý chất lượng  
theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật số 47/2019/QH 14 ngày 22/11/2019 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (phiên bản tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015) vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;*

*Xét đề nghị của Ban ISO huyện Ea H'Leo,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành hệ thống tài liệu quản lý theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Ea H'Leo (như danh mục tài liệu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Thủ trưởng các phòng, ban chuyên môn, các đơn vị liên quan trực thuộc và các cán bộ, công chức UBND huyện có trách nhiệm đọc hiểu và thi hành công việc theo đúng quy định của hệ thống tài liệu này, tiến hành đưa hệ thống văn bản theo TCVN ISO 9001:2015 vào áp dụng trong các hoạt động thực tế. Thời gian áp dụng kể từ ngày 25/11/2021.

Các tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng có hiệu lực từ ngày ký duyệt ban hành, mọi văn bản trước đây trái ngược với các quy định của các tài liệu này đều bị huỷ bỏ hiệu lực. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Ban chỉ đạo để có biện pháp giải quyết.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Ban ISO, thư ký, các bộ phận chuyên môn, các cán bộ, công chức thuộc UBND và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hà**



**DANH MỤC TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO  
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015 TẠI UBND HUYỆN EA H'LEO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 11 năm 2021  
của UBND huyện Ea H'Leo)

| STT                                                                                           | TÊN QUY TRÌNH                                                                                                                             | Mã số                        | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|---------|
| <b>A. TÀI LIỆU CHUNG CỦA HỆ THỐNG</b>                                                         |                                                                                                                                           |                              |         |
| 1.                                                                                            | Mô hình hệ thống quản lý chất lượng<br>- Chính sách chất lượng<br>- Mục tiêu chất lượng<br>Tổng hợp phân tích bối cảnh và quản trị rủi ro | - CSCL<br>- MTCL<br>- PTQTRR |         |
| 2.                                                                                            | Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản<br>(tài liệu, hồ sơ)                                                                           | HD.01                        |         |
| 3.                                                                                            | Hướng dẫn quản lý rủi ro, cơ hội                                                                                                          | HD.02                        |         |
| 4.                                                                                            | Hướng dẫn Đánh giá nội bộ                                                                                                                 | HD.03                        |         |
| 5.                                                                                            | Hướng dẫn Kiểm soát sự KPH và HĐKP                                                                                                        | HD.04                        |         |
| <b>B. CÁC QUY TRÌNH NỘI BỘ</b>                                                                |                                                                                                                                           |                              |         |
| 6.                                                                                            | Quản lý văn bản đi và văn bản đến                                                                                                         | QT.VP.01                     |         |
| 7.                                                                                            | Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính                                                                              | QT.VP.02                     |         |
| 8.                                                                                            | Xem xét của lãnh đạo                                                                                                                      | QT.VP.03                     |         |
| <b>C. QUY TRÌNH TTHC</b>                                                                      |                                                                                                                                           |                              |         |
| <b>I. LĨNH VỰC TƯ PHÁP (QUYẾT ĐỊNH SỐ 2184/QĐ-UBND, NGÀY 17/9/2020 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b> |                                                                                                                                           |                              |         |
| <b>A. HỘ TỊCH</b>                                                                             |                                                                                                                                           |                              |         |
| 9.                                                                                            | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                    | QT.TPHT.01                   |         |
| 10.                                                                                           | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                      | QT.TPHT.02                   |         |
| 11.                                                                                           | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                      | QT.TPHT.03                   |         |
| 12.                                                                                           | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                                            | QT.TPHT.04                   |         |
| 13.                                                                                           | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài                                                                  | QT.TPHT.05                   |         |
| 14.                                                                                           | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                                      | QT.TPHT.06                   |         |
| 15.                                                                                           | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài                                                                                             | QT.TPHT.07                   |         |

|                      |                                                                                                                                                                                                                                 |            |  |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 16.                  | Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc                                                                                                                                                                      | QT.TPHT.08 |  |
| 17.                  | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                                               | QT.TPHT.09 |  |
| 18.                  | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài                                                                                              | QT.TPHT.10 |  |
| 19.                  | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) | QT.TPHT.11 |  |
| 20.                  | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                      | QT.TPHT.12 |  |
| 21.                  | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân                                                                                                                                                   | QT.TPHT.13 |  |
| 22.                  | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        | QT.TPHT.14 |  |
| 23.                  | Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài                                                                                                                                                                                        | QT.TPHT.15 |  |
| 24.                  | Cấp bản sao trích lục hộ tịch                                                                                                                                                                                                   | QT.TPHT.16 |  |
| <b>B. CHỨNG THỰC</b> |                                                                                                                                                                                                                                 |            |  |
| 25.                  | Cấp bản sao từ sổ gốc                                                                                                                                                                                                           | QT.TPCT.01 |  |
| 26.                  | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận                                                                                                             | QT.TPCT.02 |  |
| 27.                  | Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận   | QT.TPCT.03 |  |
| 28.                  | Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)                                                       | QT.TPCT.04 |  |
| 29.                  | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                    | QT.TPCT.05 |  |
| 30.                  | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch                                                                                                                                                                                       | QT.TPCT.06 |  |

|                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                      |            |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 31.                                                                                                                                           | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực                                                                                                        | QT.TPCT.07 |  |
| 32.                                                                                                                                           | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp                                                                                             | QT.TPCT.08 |  |
| 33.                                                                                                                                           | Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật                                                                                                    | QT.TPCT.09 |  |
| 34.                                                                                                                                           | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản                                                                                                                     | QT.TPCT.10 |  |
| 35.                                                                                                                                           | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản                                                                                                                 | QT.TPCT.11 |  |
| 36.                                                                                                                                           | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản                                                                                                                            | QT.TPCT.12 |  |
| <b>C. BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC</b>                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                      |            |  |
| 37.                                                                                                                                           | Phục hồi danh dự                                                                                                                                                                     | QT.BTNN.01 |  |
| 38.                                                                                                                                           | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại                                                                                     | QT.BTNN.02 |  |
| <b>II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (QUYẾT ĐỊNH SỐ 3930/QĐ-UBND, NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b>                              |                                                                                                                                                                                      |            |  |
| 39.                                                                                                                                           | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện                                                                                                | QT.TNMT.01 |  |
| 40.                                                                                                                                           | Chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân                                                                            | QT.TNMT.02 |  |
| 41.                                                                                                                                           | Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường                                                                                                                                                   | QT.TNMT.03 |  |
| 42.                                                                                                                                           | Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư                   | QT.TNMT.05 |  |
| 43.                                                                                                                                           | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | QT.TNMT.06 |  |
| 44.                                                                                                                                           | Đăng ký khai thác nước dưới đất                                                                                                                                                      | QT.TNMT.07 |  |
| <b>III. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI</b>                                                                                              |                                                                                                                                                                                      |            |  |
| <b>A. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (QUYẾT ĐỊNH SỐ 657/QĐ-UBND NGÀY 26/3/2019; QUYẾT ĐỊNH SỐ 1746/QĐ-UBND NGÀY 05/7/2019 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b> |                                                                                                                                                                                      |            |  |

|     |                                                                                                                                                                                               |            |  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 45. | Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động-TB&XH. | QT.BTXH.01 |  |
| 46. | Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động-TB&XH.                                                                                            | QT.BTXH.02 |  |
| 47. | Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền thành lập của phòng Lao động-TB&XH.                                                                                    | QT.BTXH.03 |  |
| 48. | Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao động-TB&XH cấp.                                                                     | QT.BTXH.04 |  |
| 49. | Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng.                                                                                 | QT.BTXH.05 |  |
| 50. | Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố.                                                                | QT.BTXH.06 |  |
| 51. | Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.                                                       | QT.BTXH.07 |  |

**B. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (QUYẾT ĐỊNH SỐ 2387/QĐ-UBND NGÀY 04/9/2015 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)**

|     |                                                                                                                         |           |  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 52. | Thủ tục cấp giấy giới thiệu đi thăm viếng mộ liệt sĩ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ, Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ | QT.NCC.01 |  |
| 53. | Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình                                                         | QT.NCC.02 |  |

**IV. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**

**A. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA (Quyết định 1202/QĐ-UBND ngày 30/5/2018, Quyết định 1242/QĐ-UBND ngày 02/6/2020)**

|     |                                                                                |            |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 54. | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                  | QT.LTHH.01 |  |
| 55. | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | QT.LTHH.02 |  |
| 56. | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh              | QT.LTHH.03 |  |
| 57. | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                      | QT.LTHH.04 |  |

|                                                                                                       |                                                                                                                                               |            |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 58.                                                                                                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Cấp Giấy phép bán lẻ rượu                                                                                                | QT.LTHH.05 |  |
| 59.                                                                                                   | Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu.                                                                                                            | QT.LTHH.06 |  |
| 60.                                                                                                   | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                        | QT.LTHH.07 |  |
| 61.                                                                                                   | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                       | QT.LTHH.08 |  |
| 62.                                                                                                   | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                    | QT.LTHH.09 |  |
| <b>B. KINH DOANH KHÍ</b>                                                                              |                                                                                                                                               |            |  |
| 63.                                                                                                   | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                     | QT.KDK.01  |  |
| 64.                                                                                                   | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                 | QT.KDK.02  |  |
| 65.                                                                                                   | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                          | QT.KDK.03  |  |
| <b>V. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (QUYẾT ĐỊNH SỐ 826/QĐ-UBND, NGÀY 12/4/2019 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b> |                                                                                                                                               |            |  |
| 66.                                                                                                   | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực | QT.GDĐT.01 |  |
| 67.                                                                                                   | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục                                                                          | QT.GDĐT.02 |  |
| 68.                                                                                                   | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại                                                                  | QT.GDĐT.03 |  |
| 69.                                                                                                   | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ                                                                                 | QT.GDĐT.04 |  |
| 70.                                                                                                   | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)                                       | QT.GDĐT.05 |  |
| 71.                                                                                                   | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thực                                                                | QT.GDĐT.06 |  |
| 72.                                                                                                   | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục                                                                                                   | QT.GDĐT.07 |  |
| 73.                                                                                                   | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại                                                                                           | QT.GDĐT.08 |  |
| 74.                                                                                                   | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học                                                                                                          | QT.GDĐT.09 |  |
| 75.                                                                                                   | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)                                                | QT.GDĐT.10 |  |
| 76.                                                                                                   | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực                                              | QT.GDĐT.11 |  |

|                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                   |            |  |
|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 77.                                                                   | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                                                                                                                                                                | QT.GDĐT.12 |  |
| 78.                                                                   | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại                                                                                                                                                                                        | QT.GDĐT.13 |  |
| 79.                                                                   | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                       | QT.GDĐT.14 |  |
| 80.                                                                   | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)                                                                                                                                                              | QT.GDĐT.15 |  |
| 81.                                                                   | Tuyển sinh trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                        | QT.GDĐT.16 |  |
| 82.                                                                   | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                    | QT.GDĐT.17 |  |
| 83.                                                                   | Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                    | QT.GDĐT.18 |  |
| 84.                                                                   | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục                                                                                                                                               | QT.GDĐT.20 |  |
| 85.                                                                   | Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú                                                                                                                                                                                                        | QT.GDĐT.21 |  |
| 86.                                                                   | Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục                                                                                                                                                                                      | QT.GDĐT.22 |  |
| 87.                                                                   | Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú                                                                                                                                                                                             | QT.GDĐT.23 |  |
| 88.                                                                   | Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú                                                                                                                                                                                                       | QT.GDĐT.24 |  |
| 89.                                                                   | Thành lập trung tâm học tập cộng đồng                                                                                                                                                                                                             | QT.GDĐT.25 |  |
| 90.                                                                   | Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại                                                                                                                                                                                            | QT.GDĐT.26 |  |
| 91.                                                                   | Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ                                                                                                                                                                                               | QT.GDĐT.27 |  |
| 92.                                                                   | Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã                                                                                                                                                                                           | QT.GDĐT.28 |  |
| 93.                                                                   | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận                                                                    | QT.GDĐT.29 |  |
| 94.                                                                   | Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | QT.GDĐT.30 |  |
| 95.                                                                   | Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh bán trú đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở ở xã, thôn đặc biệt khó khăn                                                                                                              | QT.GDĐT.31 |  |
| <b>VI. LĨNH VỰC THANH TRA (Quyết định 204/QĐ-UBND ngày 04/2/2020)</b> |                                                                                                                                                                                                                                                   |            |  |

|                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                     |             |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
| 96.                                                                                              | Giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp huyện                                                                                                                                                                                          | QT.TT.01    |  |
| 97.                                                                                              | Giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp huyện                                                                                                                                                                                          | QT.TT.02    |  |
| 98.                                                                                              | Giải quyết tố cáo tại cấp huyện                                                                                                                                                                                                     | QT.TT.03    |  |
| 99.                                                                                              | Tiếp công dân tại cấp huyện                                                                                                                                                                                                         | QT.TT.04    |  |
| <b>VII. LĨNH VỰC NỘI VỤ</b>                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                     |             |  |
| <b>A. TÔN GIÁO (QUYẾT ĐỊNH SỐ 838/QĐ-UBND, NGÀY 24/4/2018 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b>             |                                                                                                                                                                                                                                     |             |  |
| 100.                                                                                             | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật Tín ngưỡng, tôn giáo                                                                                                                          | QT.TG.01    |  |
| 101.                                                                                             | Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện                                                                                                                      | QT. TNTG.02 |  |
| 102.                                                                                             | Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện                                                                                                                                                       | QT. TNTG.03 |  |
| 103.                                                                                             | Thông báo tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo cơ sở                                                                                                                                        | QT.TNTG.04  |  |
| 104.                                                                                             | Thông báo việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện                                                                                                          | QT. TNTG.05 |  |
| 105.                                                                                             | Chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, quận, thị xã, huyện thuộc tỉnh                                                                                      | QT. TNTG.06 |  |
| 106.                                                                                             | Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo                                                                                                                                                | QT.TNTG.07  |  |
| 107.                                                                                             | Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | QT. TNTG.08 |  |
| <b>B. THI ĐUA KHEN THƯỞNG (QUYẾT ĐỊNH SỐ 1857/QĐ-UBND, NGÀY 13/8/2018 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b> |                                                                                                                                                                                                                                     |             |  |
| 108.                                                                                             | Thủ tục đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị                                                                                                                                   | QT.TĐKT.01  |  |
| 109.                                                                                             | Thủ tục đề nghị tặng danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến                                                                                                                                                                           | QT.TĐKT.02  |  |

|                                                                                                          |                                                                                                          |             |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--|
| 110.                                                                                                     | Thủ tục đề nghị tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở                                                    | QT.TĐKT.03  |  |
| 111.                                                                                                     | Thủ tục đề nghị tặng danh hiệu Lao động tiên tiến                                                        | QT.TĐKT.04  |  |
| 112.                                                                                                     | Thủ tục đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề | QT.TĐKT.05  |  |
| 113.                                                                                                     | Thủ tục đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đợt xuất                        | QT.TĐKT.06  |  |
| 114.                                                                                                     | Thủ tục đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại                      | QT.TĐKT.07  |  |
| 115.                                                                                                     | Thủ tục đề nghị tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình                                  | QT.TĐKT.08  |  |
| <b>C. TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ (QUYẾT ĐỊNH SỐ 1692/QĐ-UBND, NGÀY 28/7/2017 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b>           |                                                                                                          |             |  |
| 116.                                                                                                     | Thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập                                                       | QT.TCBC.01  |  |
| 117.                                                                                                     | Thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập                                                     | QT.TCBC.02  |  |
| 118.                                                                                                     | Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập                                                        | QT.TCBC.03  |  |
| 119.                                                                                                     | Thẩm định thành lập tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện                    | QT.TCBC.04  |  |
| 120.                                                                                                     | Thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện                  | QT.TCBC.05  |  |
| 121.                                                                                                     | Thẩm định giải thể tổ chức hành chính thuộc thẩm quyền quyết định của UBND cấp huyện                     | QT.TCBC.06  |  |
| <b>D. TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ (QUYẾT ĐỊNH SỐ 1692/QĐ-UBND, NGÀY 28/7/2017 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b>       |                                                                                                          |             |  |
| 122.                                                                                                     | Thủ tục thành lập hội                                                                                    | QT.TCPCP.01 |  |
| 123.                                                                                                     | Thủ tục phê duyệt điều lệ hội                                                                            | QT.TCPCP.02 |  |
| 124.                                                                                                     | Thủ tục chia, tách ; sáp nhập ; hợp nhất hội                                                             | QT.TCPCP.03 |  |
| 125.                                                                                                     | Thủ tục đổi tên hội                                                                                      | QT.TCPCP.04 |  |
| 126.                                                                                                     | Thủ tục hội tự giải thể                                                                                  | QT.TCPCP.05 |  |
| <b>VIII. LĨNH VỰC VĂN HÓA – THÔNG TIN (QUYẾT ĐỊNH 1442/QĐ-UBND NGÀY 30/6/2020 CỦA UBND TỈNH ĐẮK LẮK)</b> |                                                                                                          |             |  |
| 127.                                                                                                     | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội                                                                           | QT.VHCS.01  |  |
| 128.                                                                                                     | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội                                                                         | QT.VHCS.02  |  |

|          |                                                                                                             |            |  |
|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--|
| 129.     | Thông báo sản phẩm quảng cáo trên địa bảng quảng cáo, bảng rôn                                              | QT.VHCS.03 |  |
| 130.     | Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke                                                       | QT.VHCS.04 |  |
| 131.     | Điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke                                                | QT.VHCS.05 |  |
| <b>B</b> | <b>GIA ĐÌNH</b>                                                                                             |            |  |
| 132.     | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                            | QT.GĐ.01   |  |
| 133.     | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                        | QT.GĐ.02   |  |
| 134.     | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình                            | QT.GĐ.03   |  |
| 135.     | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                     | QT.GĐ.04   |  |
| 136.     | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                 | QT.GĐ.05   |  |
| 137.     | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình                     | QT.GĐ.06   |  |
| 138.     | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm                                                      | QT.GĐ.07   |  |
| 139.     | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa                                                               | QT.GĐ.08   |  |
| 140.     | Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” | QT.GĐ.09   |  |
| 141.     | Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                      | QT.GĐ.10   |  |
| 142.     | Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”                                                          | QT.GĐ.11   |  |
| 143.     | Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                              | QT.GĐ.12   |  |
| 144.     | Công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”                                                  | QT.GĐ.13   |  |
| <b>C</b> | <b>THƯ VIỆN</b>                                                                                             |            |  |
| 145.     | Thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo     | QT.TV.01   |  |

|                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                      |                      |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|--|
|                                                                                              | dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng                                                                                                                                       |                      |  |
| 146.                                                                                         | Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng | QT.TV.02             |  |
| 147.                                                                                         | Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ công cộng             | QT.TV.03             |  |
| <b>D</b>                                                                                     | <b>PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH</b>                                                                                                                                                                                                     |                      |  |
| 148.                                                                                         | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                          | QT.PT,TH,TTĐT<br>.01 |  |
| 149.                                                                                         | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                      | QT.PT,TH,TTĐT<br>.02 |  |
| 150.                                                                                         | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                      | QT.PT,TH,TTĐT<br>.03 |  |
| <b>E</b>                                                                                     | <b>XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                     |                      |  |
| 151.                                                                                         | Thủ tục khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy                                                                                                                                                                                   | QT.XB,I,PH.01        |  |
| 152.                                                                                         | Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy                                                                                                                                                                        | QT.XB,I,PH.02        |  |
| <b>IX. LĨNH VỰC DÂN TỘC (QUYẾT ĐỊNH SỐ 1380/QĐ-UBND, NGÀY 21/6/2018 CỦA UBND TỈNH)</b>       |                                                                                                                                                                                                                                      |                      |  |
| 153.                                                                                         | Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                                                                                                                                                                            | QT.DT.01             |  |
| 154.                                                                                         | Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số                                                                                                                                                                | QT.DT.02             |  |
| <b>X. LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÔ THỊ (QUYẾT ĐỊNH SỐ 3702/QĐ-UBND NGÀY 12/12/2019 CỦA UBND TỈNH)</b> |                                                                                                                                                                                                                                      |                      |  |
| 155.                                                                                         | Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng                                                                                                                                                                                      | QT.XD.02             |  |
| 156.                                                                                         | Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình)                                                                                                                            | QT.XD.03             |  |
| <b>XI. LĨNH VỰC TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH</b>                                                     |                                                                                                                                                                                                                                      |                      |  |
| <b>A</b>                                                                                     | <b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP</b>                                                                                                                                                                                       |                      |  |

|          |                                                                                                                                                                                                     |           |  |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
| 157.     | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh                                                                                                                                                                     | QT.DN.01  |  |
| 158.     | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                     | QT.DN.02  |  |
| 159.     | Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                   | QT.DN.03  |  |
| 160.     | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh                                                                                                                                                                    | QT.DN.04  |  |
| 161.     | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh                                                                                                                                                       | QT.DN.05  |  |
| <b>B</b> | <b>THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ</b>                                                                                                                                                        |           |  |
| 162.     | Đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                                                  | QT.HTX.01 |  |
| 163.     | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                                                 | QT.HTX.02 |  |
| 164.     | Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã | QT.HTX.03 |  |
| 165.     | Đăng ký khi hợp tác xã chia                                                                                                                                                                         | QT.HTX.04 |  |
| 166.     | Đăng ký khi hợp tác xã tách                                                                                                                                                                         | QT.HTX.05 |  |
| 167.     | Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất                                                                                                                                                                     | QT.HTX.06 |  |
| 168.     | Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập                                                                                                                                                                     | QT.HTX.07 |  |
| 169.     | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)                                                                                                                                             | QT.HTX.08 |  |
| 170.     | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)                                                                                                               | QT.HTX.09 |  |
| 171.     | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)                                                                                                                                         | QT.HTX.10 |  |
| 172.     | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)                                                                                                           | QT.HTX.11 |  |
| 173.     | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                                 | QT.HTX.12 |  |
| 174.     | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                      | QT.HTX.13 |  |
| 175.     | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã                                                                                                                       | QT.HTX.14 |  |
| 176.     | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                               | QT.HTX.15 |  |
| 177.     | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã                                                                                                            | QT.HTX.16 |  |

|                                                                       |                                                                                                                                                                                                                        |              |  |
|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--|
| 178.                                                                  | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)                                                                                     | QT.HTX.17    |  |
| 179.                                                                  | Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã                                                                                                                                                                                    | QT.HTX.18    |  |
| <b>XII. LĨNH VỰC Y TẾ (QUYẾT ĐỊNH SỐ 616/QĐ-UBND, NGÀY 21/3/2019)</b> |                                                                                                                                                                                                                        |              |  |
| 180.                                                                  | TT cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, ngày 02/02/2018 của Thủ tướng Chính Phủ | QT. VP.01    |  |
| XII                                                                   | <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP &amp; PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                                 |              |  |
| 181.                                                                  | Hỗ trợ dự án liên kết                                                                                                                                                                                                  | QT.NNPTNT.01 |  |